CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cảng Quy Nhơn

Ngày 30/09/2025	30,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.3%	**-4.6%**	**-8.1%**

DT thuần
Q3/25
303
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.0| 8.1%
YoY: ▲ 8.00| 2.6%

LN thuần
Q3/25
43.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.50| -11.3%
YoY: ▲ 8.70| 25.5%

LN sau thuế
Q3/25
35.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.30| -10.9%
YoY: ▲ 9.70| 38.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
16.0%
YoY: +/-▼ 2.9%

ROE (TTM)
Q3/25
14.7%
YoY: +/-▲ 0.6%

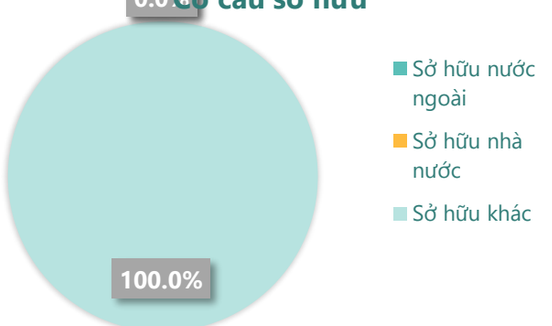
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,850 - 36,295
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,245
Số lượng CPLH (CP)	40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,415
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.43
EPS	3,164
P/E	9.7

DT thuần
9T 2025
834
tỷ VNĐ
YoY: ▼68.0| -7.6%

LN thuần
9T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00| -4.1%

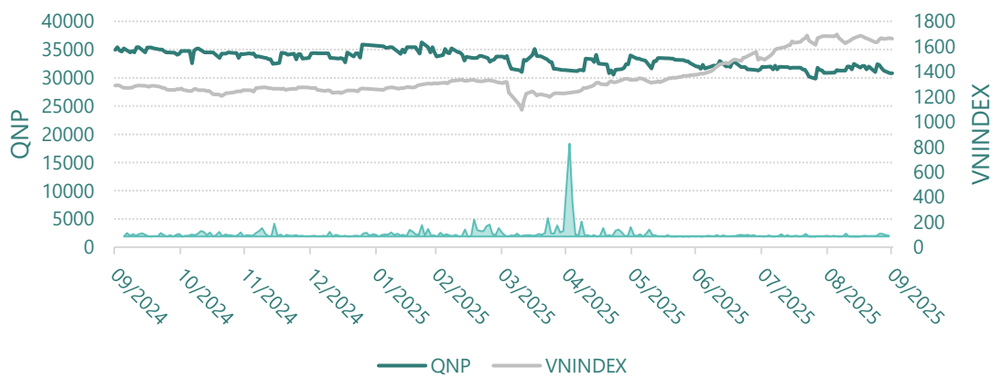
LN sau thuế
9T 2025
100
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -0.4%

Cơ cấu sở hữu

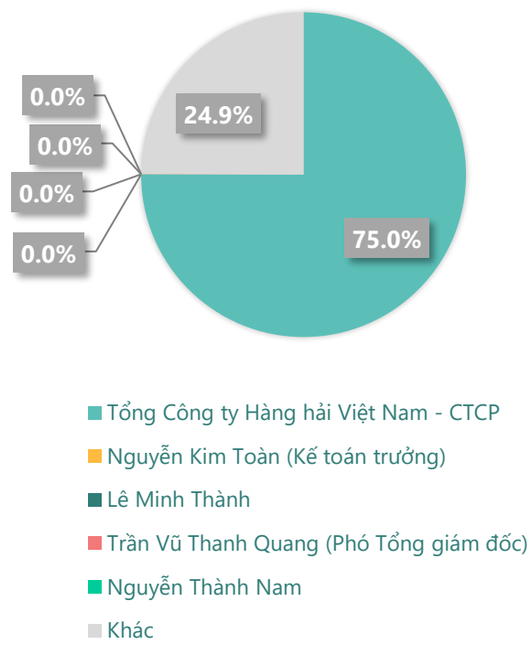


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



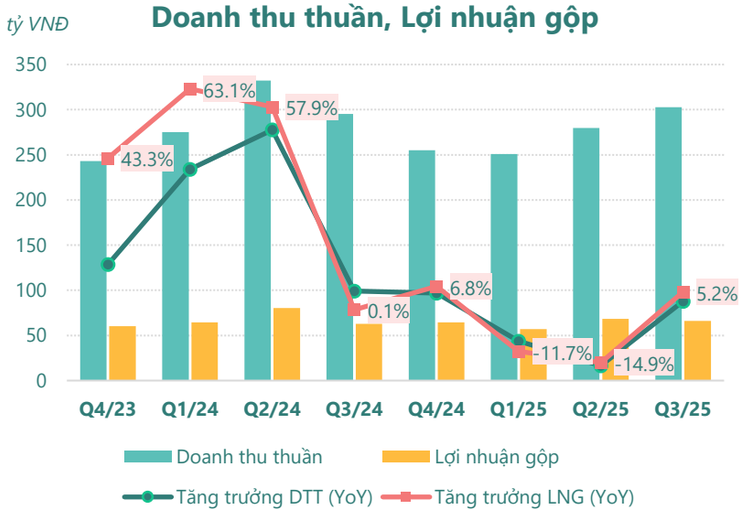
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

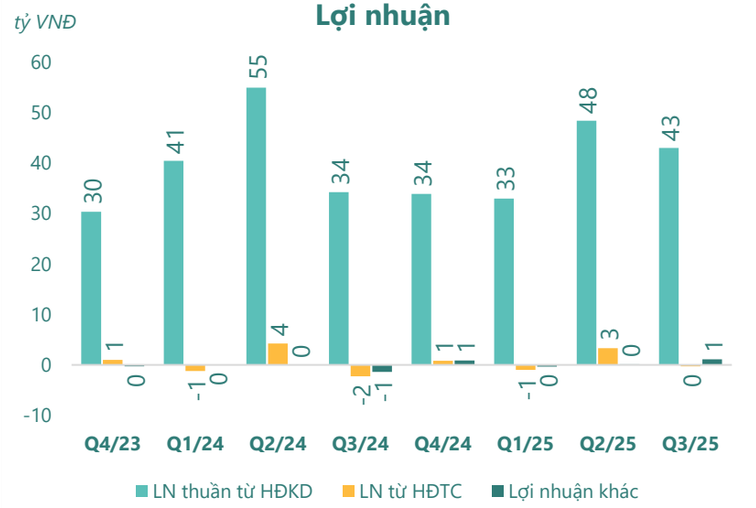
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



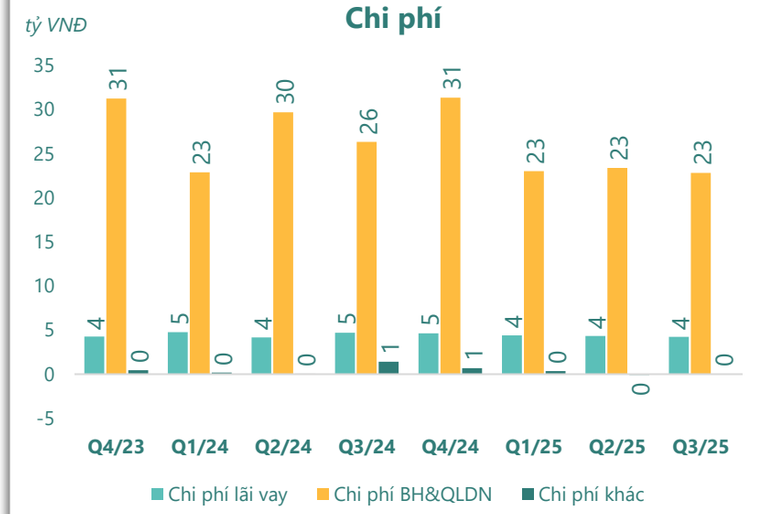
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



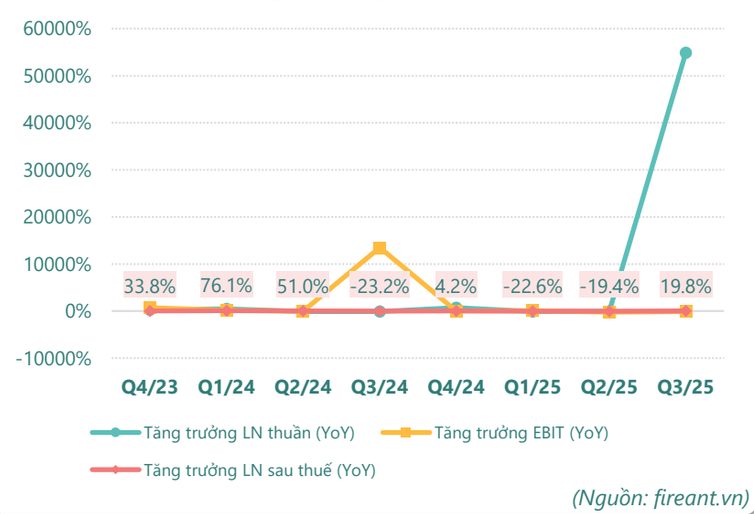
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



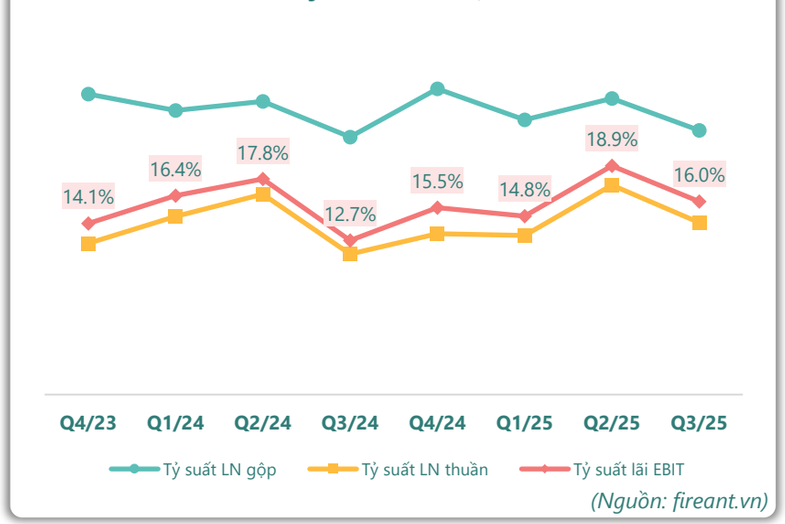
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



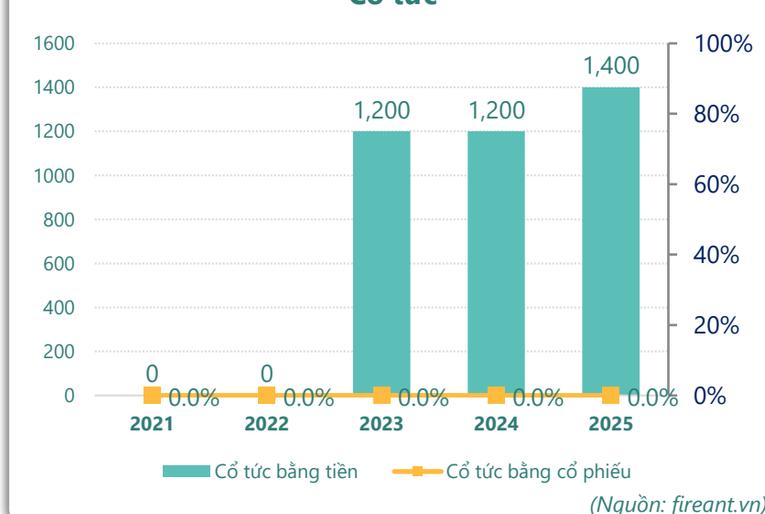
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

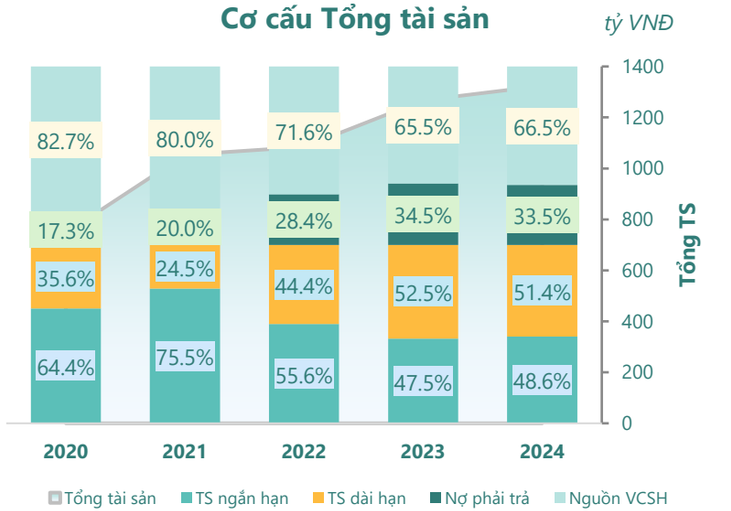
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

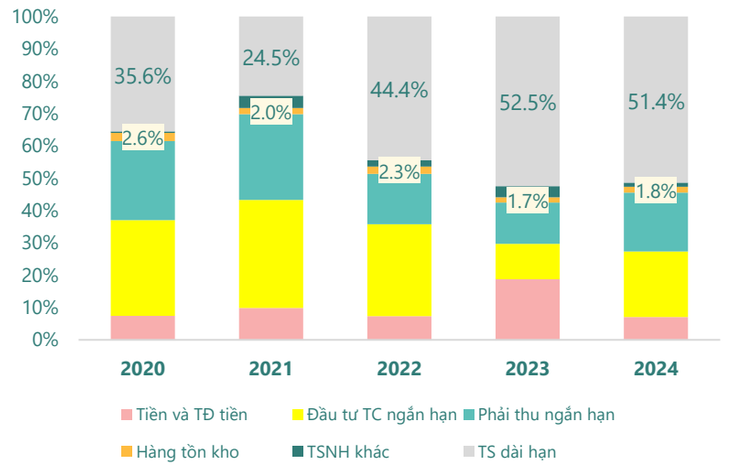
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



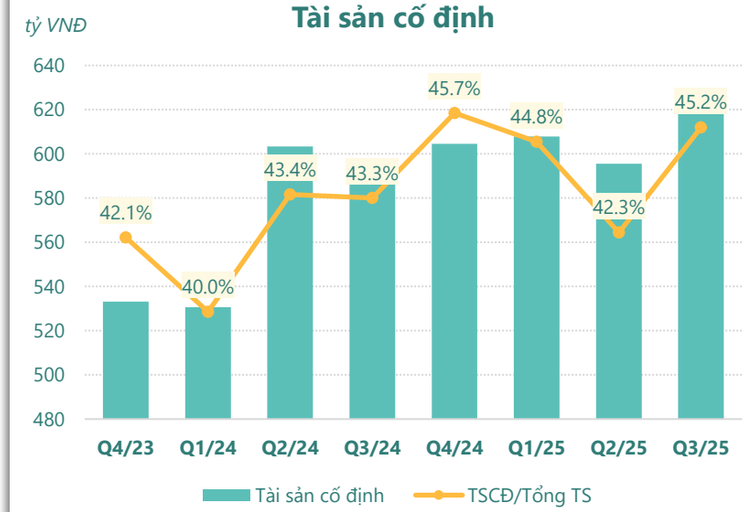
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



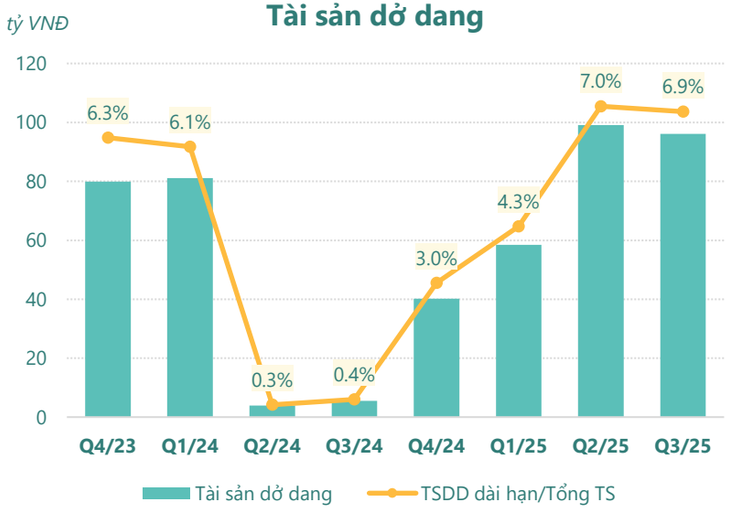
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



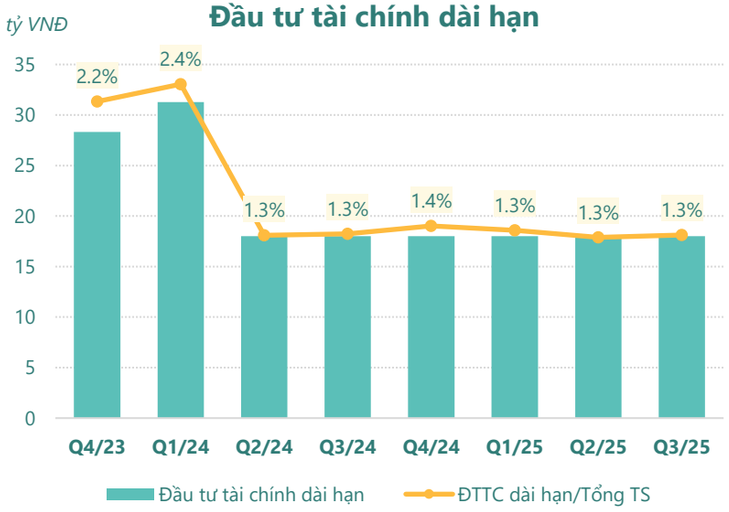
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



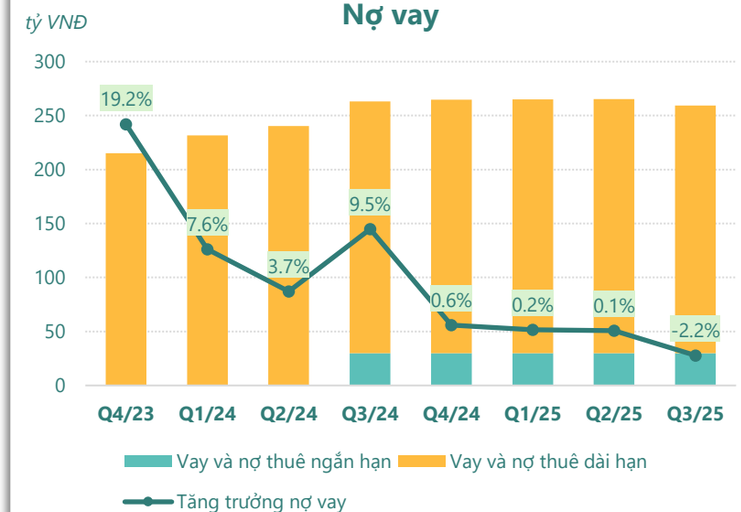
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

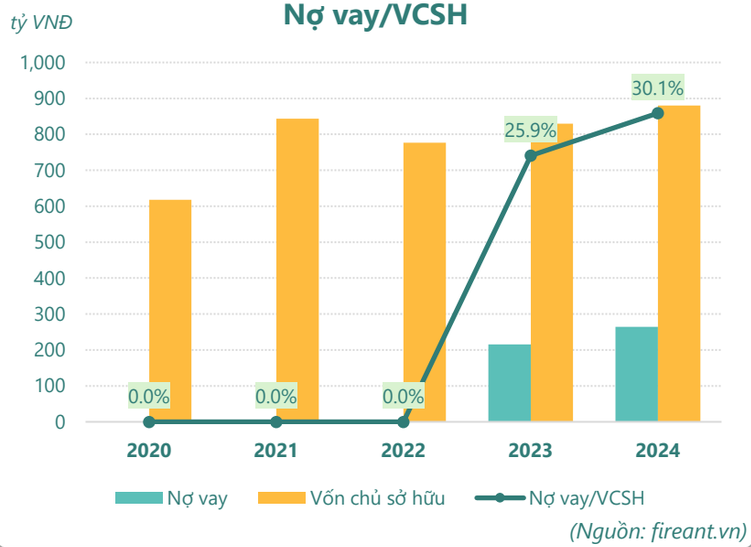
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

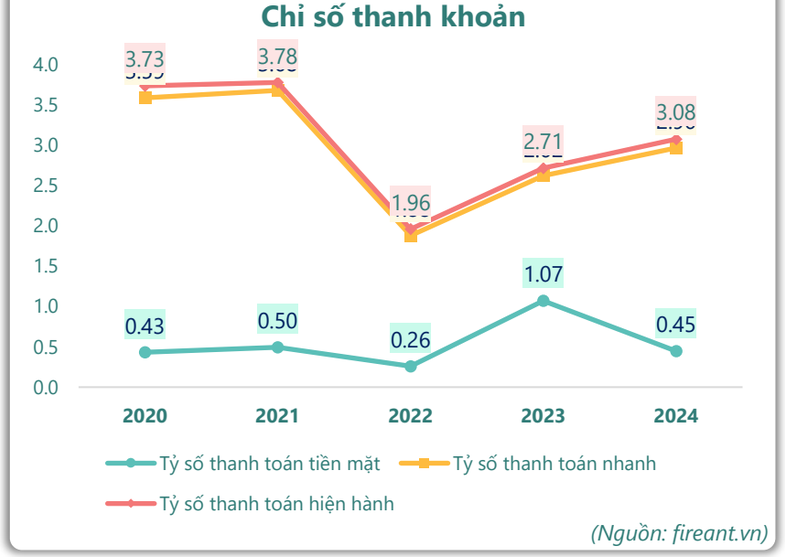
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



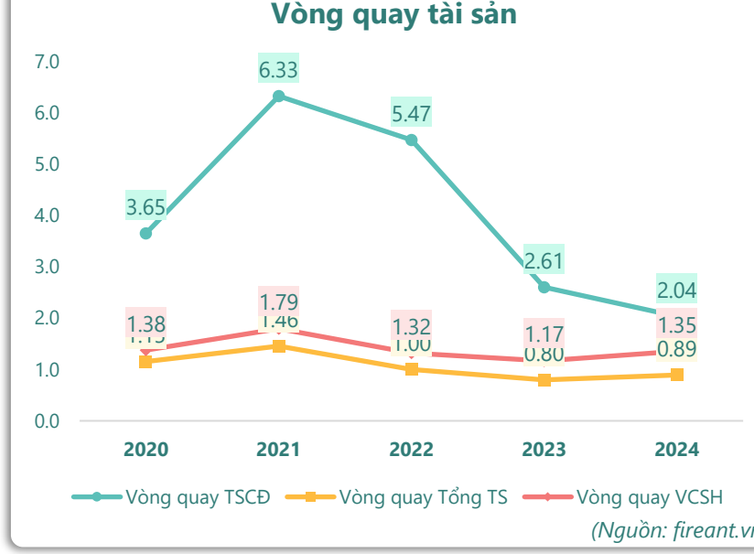
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



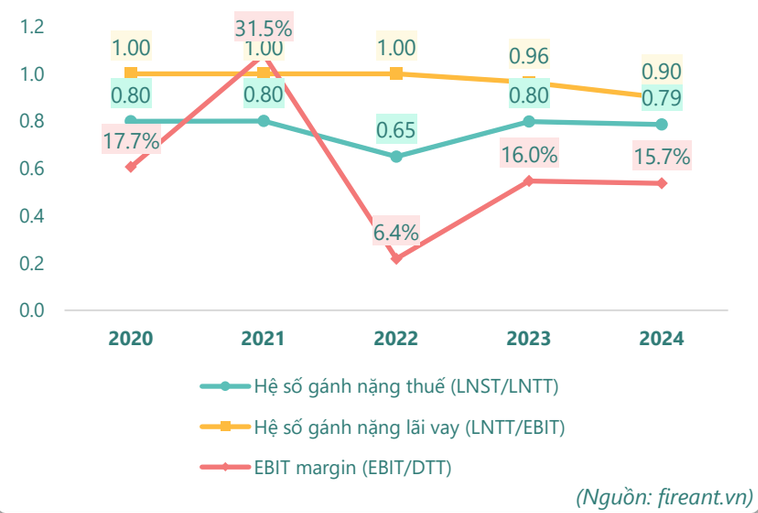
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



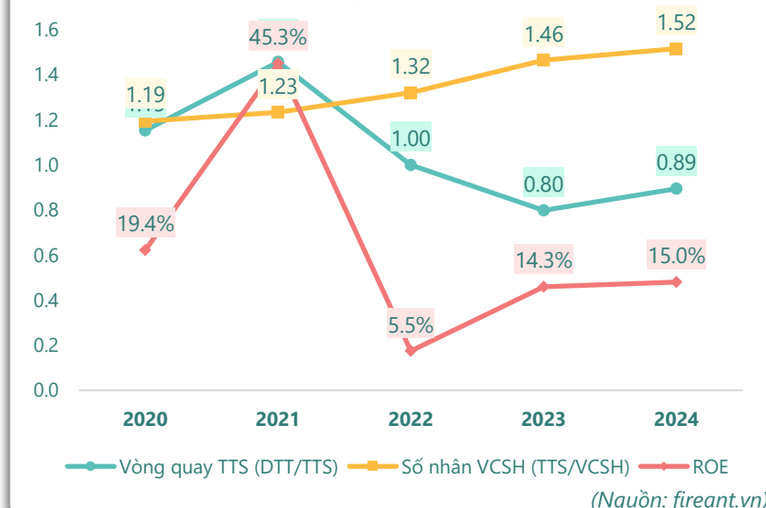
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



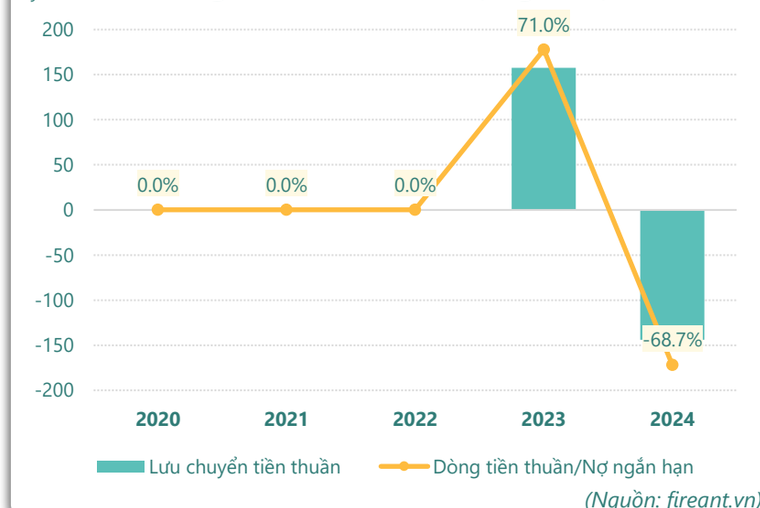
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**303**	**295**	**2.6%**	**834**	**902**	**-7.6%**
Giá vốn hàng bán	237	232	2.0%	642	694	-7.6%
Lợi nhuận gộp	66.1	62.8	5.3%	192	208	-7.8%
Doanh thu HĐTC	4.03	3.49	15.5%	15.1	15.7	-3.9%
Chi phí TC	4.29	5.73	-25.1%	13.1	14.9	-12.6%
Chi phí lãi vay	4.24	4.71	-10.1%	13.0	13.6	-4.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.84	4.50	7.5%	11.9	14.8	-19.9%
Chi phí QLDN	**18.0**	**21.8**	**-17.5%**	**57.4**	**64.1**	**-10.5%**
LN thuần từ HĐKD	43.0	34.3	25.5%	124	130	-4.1%
Lợi nhuận khác	**1.09**	**-1.39**	**178%**	**0.86**	**-1.44**	**160%**
LN trước thuế	44.1	32.9	34.1%	125	128	-2.4%
Lợi nhuận sau thuế	**35.1**	**25.4**	**38.2%**	**100**	**101**	**-0.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**35.1**	**25.4**	**38.2%**	**100**	**101**	**-0.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	60.9	48.4	1.12	30.1	61.5	58.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.2	25.4	-131	14.5	18.7	-177
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.61	4.33	-28.4	0.44	0.22	-62.4
Tiền đầu kỳ	158	174	251	93.7	139	219
Lưu chuyển tiền thuần	**15.3**	**78.1**	**-158**	**45.0**	**80.4**	**-181**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.09	-0.71	0.69	0.07	0.21	-0.25
Tiền cuối kỳ	174	251	93.7	139	219	38.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,390**	**1,324**	**5.0%**
Tài sản ngắn hạn	636	644	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	38.1	93.7	-59.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307	268	14.7%
Phải thu ngắn hạn	263	242	8.8%
Hàng tồn kho	23.2	23.2	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.59	17.2	-79.1%
Tài sản dài hạn	**755**	**680**	**10.9%**
Phải thu dài hạn	0.00	7.35	-100.0%
Tài sản cố định	629	605	4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	96.1	40.2	139%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.6**	**10.1**	**14.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	499	444	12.3%
Nợ ngắn hạn	**266**	**209**	**27.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	93.0	8.9%
Nợ dài hạn	232	235	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	229	235	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**891**	**880**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**891**	**880**	**1.3%**
Vốn điều lệ	404	404	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)